

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1746/UBND-TCKH

Vạn Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2022

V/v phê duyệt phương án sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt và giao nhiệm vụ tổ chức thu giá dịch vụ rác thải sinh hoạt.

Kính gửi:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện Vạn Ninh;
- Chi cục Thuế khu vực Bắc Khánh Hòa;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện Vạn Ninh về việc phê duyệt mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn huyện Vạn Ninh từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/6/2023.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn các xã, thị trấn từ ngày 01/7/2022 đến 30/6/2023 trên địa bàn huyện, UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Phê duyệt phương án thu dịch vụ và sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và cân đối nguồn ngân sách cấp huyện, các xã, thị trấn để chi trả hợp đồng thu gom, vận chuyển, và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã, thị trấn. (Chi tiết kèm theo bảng tổng hợp phương án thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt các xã, thị trấn).

2. Giao UBND các xã, thị trấn:

- Căn cứ quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND huyện Vạn Ninh về việc phê duyệt mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn huyện Vạn Ninh từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/6/2023 để tiến hành lập danh sách các trường hợp tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn do UBND các xã, thị trấn quản lý và phê duyệt danh sách làm cơ sở để triển khai công tác thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn các xã, thị trấn cho phù hợp với từng đối tượng, mức thu, hạn chế thu sót đối tượng, thu không đủ mức thu theo quy định.

- Có trách nhiệm tổ chức công khai, niêm yết giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, và bảo đảm thu theo đúng giá niêm yết.

- UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt kể từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/6/2023.

3. Chi cục Thuế khu vực Bắc Khánh Hòa: chịu trách nhiệm hướng dẫn cho UBND các xã, thị trấn về hóa đơn, chứng từ và trích nộp thuế theo quy định.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc nhà nước huyện

Có trách nhiệm hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tổ chức thu nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định pháp luật về ngân sách.

UBND huyện Vạn Ninh đề nghị các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện, quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc báo cáo về UBND huyện để xem xét giải quyết.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Phòng QLĐT huyện;
- Phòng TNMT huyện;
- Lưu: VT. P

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đàm Ngọc Quang

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN CÁN ĐỐI KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VẠN NINH

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/7/2022 đến 30/6/2023

(Đính kèm Công văn số 144/UBND-TCKH ngày 30/5/2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

Đơn: đồng

STT	XÁ, THỊ TRẤN	Số tuyến	Số hộ/tuyến	Số hộ có khả năng thu được	Khối lượng (Tấn)	Tổng dự toán (tính trên 1 năm)	Số tiền thu (Thị trấn, Đại Lãnh 20.000 đ/1 hộ, các xã còn lại: 15.000/1 hộ)	Thuế VAT, TNDN (10%)	15% trích chi phí cho người đi thu	Mua án chi, phí môn bài, vé dịch vụ	Số tiền thu được sau khi trừ 15% chi phí đi thu + thuế VAT, TNDN được cơ cấu chi trả hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải	Số tiền ngân sách huyện, xã		
												Tổng cộng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
I	THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI	459	20.654	19.576	24.498	10.782.839.042	3.870.900.000	387.090.000	580.635.000	54.000.000	2.849.175.000	7.933.664.042	6.989.981.382	943.682.660
1	THỊ TRẤN VẠN GIÃ	210	4.418	4.067	5.330	3.023.250.000	976.080.000	97.608.000	146.412.000	5.000.000	727.060.000	2.296.190.000	2.186.990.000	109.200.000
2	XÃ XUÂN SON	7	668	600	806	353.565.000	108.000.000	10.800.000	16.200.000	4.000.000	77.000.000	276.565.000	230.515.000	46.050.000
3	XÃ VẠN HÙNG	31	1.597	1.487	1.927	838.063.000	267.660.000	26.766.000	40.149.000	4.000.000	196.745.000	641.318.000	562.318.000	79.000.000
4	XÃ VẠN LƯƠNG	25	1.167	1.091	1.371	597.455.268	196.380.000	19.638.000	29.457.000	4.000.000	143.285.000	454.170.268	374.570.268	79.600.000
5	XÃ VẠN PHÚ	37	2.762	2.762	3.332	1.299.291.549	497.160.000	49.716.000	74.574.000	4.000.000	368.870.000	930.421.549	849.821.549	80.600.000
6	XÃ VẠN BÌNH	13	1.091	1.091	1.316	462.629.000	196.380.000	19.638.000	29.457.000	4.000.000	143.285.000	319.344.000	262.944.000	56.400.000
7	XÃ VẠN THẮNG	48	2.849	2.707	3.437	1.469.338.000	487.260.000	48.726.000	73.089.000	5.000.000	360.445.000	1.108.893.000	1.022.493.000	86.400.000
8	XÃ VẠN KHÁNH	16	1.248	1.248	1.438	480.575.767	224.640.000	22.464.000	33.696.000	4.000.000	164.480.000	316.095.767	250.815.040	65.280.727
9	XÃ VẠN LONG	11	748	721	769	295.928.325	129.780.000	12.978.000	19.467.000	4.000.000	93.335.000	202.593.325	127.593.325	75.000.000
10	XÃ VẠN PHƯỚC	23	1.153	1.153	1.328	443.996.133	207.540.000	20.754.000	31.131.000	4.000.000	151.655.000	292.341.133	220.939.200	71.401.933
11	XÃ VẠN THỌ	4	302	302	364	133.440.000	54.360.000	5.436.000	8.154.000	4.000.000	36.770.000	96.670.000	45.170.000	51.500.000
12	XÃ VẠN THANH	2	627	627	736	323.702.000	112.860.000	11.286.000	16.929.000	4.000.000	80.645.000	243.057.000	180.207.000	62.850.000
13	XÃ ĐẠI LÃNH	32	2.024	1.720	2.345	1.061.605.000	412.800.000	41.280.000	61.920.000	4.000.000	305.600.000	756.005.000	675.605.000	80.400.000
II	XỬ LÝ RÁC THẢI				24.498	2.500.000.000						2.500.000.000	2.500.000.000	
1	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				24.498	2.500.000.000						2.500.000.000	2.500.000.000	
	TỔNG CỘNG	459	20.654	19.576	24.498	13.282.839.042	3.870.900.000	387.090.000	580.635.000	54.000.000	2.849.175.000	10.433.664.042	9.489.981.382	943.682.660

* Ghi chú: Dự toán của Thị trấn Vạn Giã đã bao gồm quét hè phố, duy trì dài phân cách, tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở góc cây, cột điện, miệng công hầm ếch, vận chuyển rác xây dựng. 744.719.000 đồng.

